

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30-5-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Minh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Minh Trí
- Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Việt Xuân Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh T. – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án thụ lý số: 535/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXX-ST ngày 22 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Cẩm H, sinh năm 1985; hộ khẩu thường trú: Số K, đường P, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên lạc: Số F đường N, khu phố D, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hoài Đ, sinh năm 1985; thường trú tại: Số K, đường P, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 11 năm 2023, nguyên đơn – bà Đặng Thị Cẩm H trình bày:

Bà H và ông Nguyễn Hoài Đ kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Hôn nhân giữa bà H và ông Nguyễn Hoài Đ là tự nguyện. Trong quá trình sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về

quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến gia đình luôn căng thẳng. Bà H và ông Đ đã nhiều lần tìm cách để giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành. Bà H và ông Đ đã ly thân từ tháng 01/2023 cho đến nay.

Cụ thể trong quá trình sống chung ông Đ nhiều lần nhậu nhẹt say xỉn về nhà đánh đập vợ con. Việc ông Đ nhiều lần đánh đập bà H, bà H đã nhiều lần liên hệ trình báo địa phương và công an phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương can thiệp, can ngăn, hòa giải – công an có trao đổi và khuyên cả hai bỏ qua hàn gắn với nhau vì con cái, dù đã rất nhiều lần bỏ qua cho ông Đ mong con chung có đủ tình thương của ba mẹ và mong muốn ông Đ sẽ vì thương các con mà thay đổi. Tuy nhiên ông Đ vẫn chứng nào tật nấy, đỉnh điểm đến tháng 01/2023 ông Đ nhậu xin về đánh đập, chửi bới nên bà H xác định không thể tiếp tục cuộc hôn nhân này và quyết định ly thân rời khỏi nhà cho đến nay. Tuy nhiên kể từ lúc bà H quyết định ly thân và dọn khỏi nhà đi ra ngoài sinh sống, ông Đ vẫn nhiều lần tìm kiếm đe dọa thậm chí đánh đập bà H một cách dã man.

Về hôn nhân: Nay nhận thấy cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không còn khả năng hàn gắn nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoài Đ.

Về con chung: Bà H và ông Đ có 02 (hai) con chung như sau:

1. Cháu Nguyễn Hoài Hạ T1, sinh ngày 05/11/2008;
2. Cháu Nguyễn Khánh V, sinh ngày 29/9/2013.

Sau khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai con chung là Hạ T1 và Khánh V. Bà H không yêu cầu ông Nguyễn Hoài Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà H và ông Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 13/5/2024 nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Quá trình tố tụng, bị đơn đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do là chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được xem như bị đơn tự tước đi quyền trình

bày, đưa ra chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Về nội dung: Mâu thuẫn của vợ chồng đã đến mức trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các con có nguyện vọng sống cùng với mẹ và bà **H** đưa ra được chứng cứ chứng minh việc có đầy đủ điều kiện kinh tế và các điều kiện khác đảm bảo việc nuôi con nên giao con cho bà **H** nuôi dưỡng. Ông **Đ** không phải cấp dưỡng nuôi con do bà **H** không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà **Đặng Thị Cẩm H** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông **Nguyễn Hoài Đ** và yêu cầu được nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn – ông **Nguyễn Hoài Đ** có nơi cư trú tại **thành phố T, tỉnh Bình Dương** vì vậy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương là Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

[3] Về nội dung: Bà **H** và ông **Đ** chung sống với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương** và được **Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương** cấp giấy chứng nhận kết hôn số 152, ngày 30/9/2008. Do đó, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa bà **H** và ông **Đ** là hôn nhân hợp pháp.

Lý do bà **H** yêu cầu ly hôn với ông **Đ** là vì ông **Đ** nhiều lần nhậu nhẹt say xỉn, về nhà đánh bà **H**. Bà **H** đã bỏ nhà ra sống riêng từ tháng 11/2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống. Việc bà **H** trình bày bỏ nhà ra sống riêng được chính quyền địa phương nơi bà **H** và ông **Đ** cư trú trước đây xác nhận tại biên bản xác minh ngày 07/3/2024 của Tòa án. Xét thấy: Quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sống có trách nhiệm, thương yêu, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Quá trình tố tụng, Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án về việc bà **H** yêu cầu ly hôn ông **Đ** nhưng ông **Đ** vẫn không quan tâm, không đến Tòa làm việc. Chứng tỏ ông **Đ** không còn xem trọng cuộc hôn nhân này. Vợ chồng bà **H** và ông **Đ** vì không còn tình cảm với nhau nên không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống nên chứng tỏ tình trạng hôn nhân của bà **H** và ông **Đ** không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do vậy việc bà **H** yêu cầu ly hôn đối với ông **Đ** là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Bà **H** yêu cầu sau khi ly hôn bà **H** được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung. Bà **H** trình bày về điều kiện kinh tế hiện nay của bà **H** chưa có việc làm là vì khi xảy ra mâu thuẫn với ông **Đ** bà **H** phải xin nghỉ việc để sắp xếp chuyện gia đình. Bà **H** dự tính khi giải quyết việc hôn nhân giữa bà **H** và ông **Đ** xong thì bà **H** sẽ đi xin việc làm để lo cho bản thân mình và các con. Tuy hiện nay bà **H**

chưa có việc làm nhưng bà **H** chứng minh điều kiện kinh tế đủ để nuôi con là khoản tiền hơn 700 triệu đồng của riêng bà **H** đang gửi tiết kiệm (thẻ tiết kiệm số 10747140 cấp ngày 03/4/2021). Mặc khác, qua làm việc với các con đều có nguyện vọng sống cùng với mẹ. Các con chung đều là bé gái và đang độ tuổi dậy thì. Hội đồng xét xử nhận thấy việc con gái đang trong tuổi dậy thì rất cần sự quan tâm, chia sẻ, giáo dục giới tính của người mẹ, số tiền gửi tiết kiệm chứng minh bà **H** có đủ điều kiện kinh tế để nuôi con, nguyện vọng của các con muốn sống cùng bà **H** nên Hội đồng xét xử giao con chung cho bà **H** chăm sóc, nuôi dưỡng là đảm bảo đầy đủ quyền lợi mọi mặt của con.

Về cấp dưỡng: Bà **H** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên ông **D** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015

- Khoản 1 Điều 14; các Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà **Đặng Thị Cẩm H** đối với bị đơn – ông **Nguyễn Hoài Đ** về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về con chung: Giao con chung tên **Nguyễn Hoài Hạ T1**, sinh ngày 05/11/2008 và **Nguyễn Khánh V**, sinh ngày 29/9/2013 cho bà **Đặng Thị Cẩm H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng: Ông **Nguyễn Hoài Đ** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc

thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000588 ngày 11/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP.TDM;
- Chi cục THADS TP.TDM;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Huỳnh Minh Trí